****

**TÀI LIỆU**

**PHÂN TÍCH YÊU CẦU**

**Hệ thống Quản lý quy trình nghiệp vụ**

**BPM (HM)**

**Đặc tả API tích hợp Công cụ quản lý các khoản phải thu**

**Phiên bản:1.0**

**Mã tài liệu: SP\_URD\_v1.1.doc**

1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

## Yêu cầu thông tin API

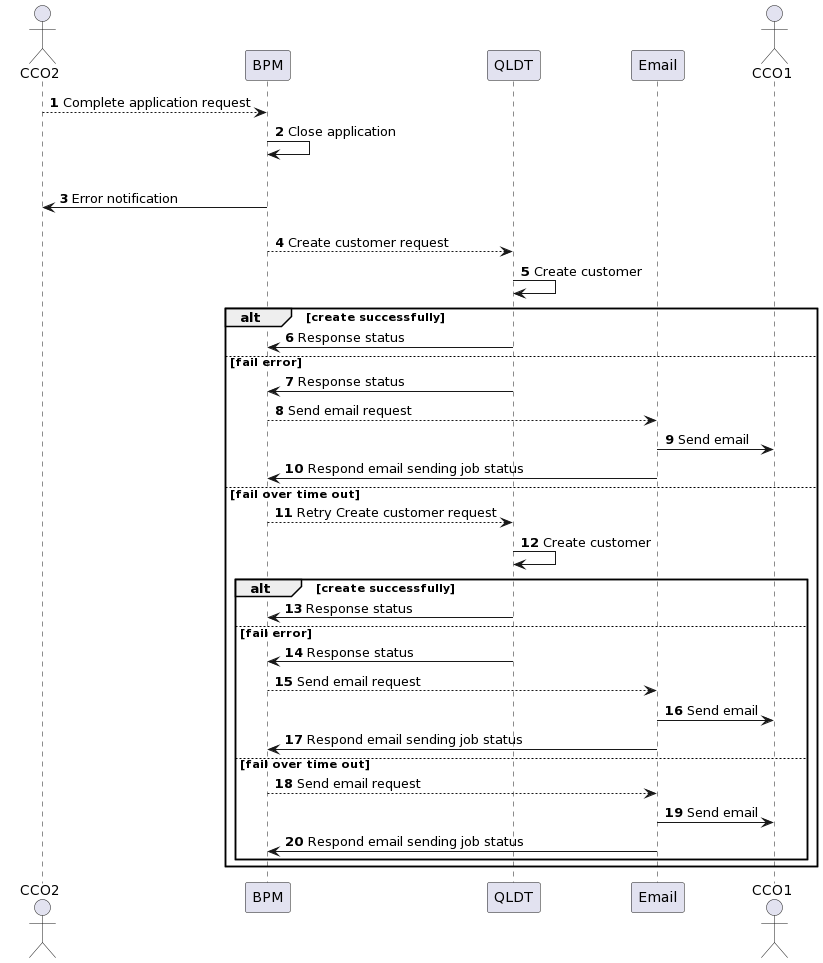
|  |  |
| --- | --- |
| *Mục đích* | BPM truyền thông tin sang QLDT tạo hạn mức khách hàng |
| *Loại tương tác* | 1 chiều |
| *Tần suất* | Realtime |
| *Thời điểm* | Realtime |
| *Điều kiện* | Yêu cầu hồ sơ được chuyển sang trạng thái “Đóng”, CCO2 phê duyệt thành công |

Trường hợp quá timeout không nhận được phản hồi, tiến hành **Retry** 1 lần

## Mapping BPM Hạn mức

**Chỉ đẩy thông tin khi mở mới KH tại BPM HM, sau khi HS phê duyệt thành công**

Sequence Diagram



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Key** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả nguồn data** |
| **Input (JSON OJECT)** | | | |
| 1 | msgId (\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Mã giao dịch – duy nhất, không trùng.  Lấy ID HS phía BPM |
|  | cifNum (\*) | VARCHAR2(8 BYTE) | Số Cif,  BPM truyền sang |
|  | cifName (\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Tên khách hàng,  BPM truyền sang |
|  | userCode (\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Mã user MSB: user CCO1  (Lưu ý sử dụng user đăng nhập của CCO1 trùng với user MSB)  BPM truyền sang |
|  | branch(\*) | VARCHAR2(20 BYTE) | Mã chi nhánh  BPM truyền sang |
|  | totalLimit(\*) | NUMBER(20) | Số tiền hạn mức ckpt  BPM truyền sang, mặc định “10000000” |
|  | ccyTotalLimit(\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Loại tiền tệ  BPM truyền sang, mặc định “VND” |
|  | totalLimitDate(\*) | Date | Ngày phê duyệt hạn mức tổng ckpt -- dd/MM/yyyy  BPM truyền sang, lấy ngày CCO2 phê duyệt hồ sơ |
|  | importPayment(\*) | NUMBER(20) | Hạn mức import Loan,  BPM truyền sang, mặc định “10000000” |
|  | ccyImportPayment(\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Loại tiền theo hạn mức import Loan,  BPM truyền sang, mặc định “VND” |
|  | importPaymentDate(\*) | Date | Ngày phê duyệt hạn mức tổng ckpt -- dd/MM/yyyy  BPM truyền sang, lấy ngày CCO2 phê duyệt hồ sơ |
|  | preShipment(\*) | NUMBER(20) | Hạn mức Preshipment  BPM truyền sang, mặc định “10000000” |
|  | ccyPreShipment(\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Loại tiền theo hạn mức Preshipment,  BPM truyền sang, mặc định “VND” |
|  | preShipmentDate(\*) | Date | Ngày phê duyệt hạn mức tổng ckpt -- dd/MM/yyyy  BPM truyền sang, lấy ngày CCO2 phê duyệt hồ sơ |
|  | hubHoldName(\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Tên HubHold  BPM truyền sang, chuỗi ký tự trước "@" trong trường Email CBQL đầu tiên |
|  | hubHoldEmail(\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Email HubHold,  BPM truyền sang , Email CBQL đầu tiên |
|  | bdQlName(\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Tên BD/XS quản lý  BPM truyền sang, Chuỗi ký tự trước "@" trong trường Email CBQL thứ 2, trường hợp không có email CBQL thứ 2, sử dụng luôn email đó |
|  | bdqlEmail(\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Email BD/XS quản lý  BPM truyền sang, sử dụng email CBQL thứ 2, trường hợp không có email CBQL thứ 2, sử dụng email CBQL đầu tiên |
|  | ssLeadName(\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Tên SS Lead phụ trách  BPM truyền sang, Chuỗi ký tự trước "@" trong trường Email CBQL thứ 3, trường hợp không có email CBQL thứ 3, sử dụng email CBQL đầu tiên |
|  | ssLeadEmail(\*) | VARCHAR2(255 BYTE) | Email SS Lead phụ trách,  BPM truyền sang, trường hợp không có email CBQL thứ 3, sử dụng email CBQL đầu tiên |
|  |  |  |  |
| **Outputs (JSON OJECT )** | | | |
| 1 | respCode |  | Mã lỗi |
| 2 | respDesc |  | Mô tả mã lỗi |
| 3 | msgId |  | Mã giao dịch |
| 4 | data |  | Thông tin bổ sung (nếu có) |
|  |  |  |  |

1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

-          Thông tin CKPT UAT: <http://10.1.66.198:8081/ckpt/bpm/addlimitLoan>

Đường dẫn trên APIGW UAT: http://api-uat.msb.com.vn/ckpt/api/v1/add-limit-loan

Lưu ý: trên API cần bổ sung MSB-API-Key vào Header để đảm bảo an toàn thông tin.

"Msb-Api-Key":"985237fb-27cf-4013-81bd-d714dac71cd3"

Mã lỗi:

* 00: Thành công
* 01: Thất bại
* 04: Trùng mã hợp đồng kinh tế
* 05: Trùng mã chứng từ giao hàng
* 06: Trùng mã hóa đơn
* 07: Cif khách hàng không tồn tại
* 08: Số ACF không tồn tại
* 10: Hạn mức khách hàng đã đã được đăng ký
* 11: Mã chi nhánh không tồn tại
* 12: Số cif khách hàng không tồn tại
* 13: Tên khách hàng không đúng với số cif
* 15: msgId đã tồn tại
* -1: Exceptions
* -2: IP chưa được cấu hình truy cập
* V01: Validate không thành công – sẽ có mô tả theo từng trường hợp

Example:

Request:

{

    "msgId": "123456789123",

    "cifNum": "1471222",

    "cifName": "0000000000000118470",

    "userCode": "tuann8",

    "branch": "011",

    "totalLimit": "100000000",

    "ccyTotalLimit": "VND",

    "totalLimitDate": "01/01/2023",

    "importPayment": "100000000",

    "ccyImportPayment": "VND",

    "importPaymentDate": "01/01/2023",

    "preShipment": "100000000",

    "ccyPreShipment": "VND",

    "preShipmentDate": "01/01/2023",

    "hubHoldName": "TuanNN8",

    "hubHoldEmail": "tuannn8@msb.com.vn",

    "bdqlName": "TuanNN8",

    "bdqlEmail": "tuannn8@msb.com.vn",

    "ssLeadName": "TuanNN8",

    "ssLeadEmail": "tuannn8@msb.com.vn"

}

Response:

{

    "respCode": "10",

    "respDesc": "Khach hang da duoc dang ky han muc truoc do!",

    "msgId": "123456789123",

    "data": "-1"

}

1. CHỨC NĂNG SEND MAIL
2. **Mô tả chức năng**

* Với API có mã lỗi thất bại ( tồn tại "status"= "FAILURE"): thực hiện send mail với mail của CCO1 thông báo lỗi
* Với API tạo quá timeout và đã retry 1 lần vẫn không nhận được phản hồi từ CC QLCKPT: thực hiện send mail tới CCO1

1. **Nội dung mail**

* **Nội dung mail với TH tạo thông tin thất bại: nhận được phản hồi mã lỗi**
* To: email CCO1
* Subject: BPM\_{ID xxxxxx} tạo thông tin quản lý hạn mức khách hàng thất bại
* Body:

Kính gửi anh/chị,

Yêu cầu BPM Hạn mức {*ID xxxxxx*} tạo thông tin quản lý khách hàng thất bại:

Lý do:

{respDesc}

***Đây là email tự động gửi từ hệ thống BPM, đề nghị không reply lại mail này.***

* **Nội dung mail trường quá timeout, đã retry 1 lần không nhận được phản hồi từ CC QLCKPT**
* To: email CCO1
* Subject: BPM\_{ID xxxxxx} không nhận được phản hồi tạo thông tin quản lý hạn mức khách hàng
* Body:

Kính gửi anh/chị,

Yêu cầu BPM Hạn mức {*ID xxxxxx*} tạo thông tin quản lý hạn mức khách hàng không nhận được phản hồi từ **Hệ thống quản lý các khoản phải thu.**

Vui lòng truy cập **Hệ thống quản lý các khoản phải thu** để kiểm tra thông tin hạn mức khách hàng.

***Đây là email tự động gửi từ hệ thống BPM, đề nghị không reply lại mail này.***

**\**Lưu ý:***

*- Các nội dung chữ đỏ là thông tin hệ thống tự động đưa vào cấu trúc mail. Trong đó: ID xxxxxx là ID hồ sơ HM*